

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH TRÀ VINH**

Bản án số: 50/2020/HS-ST

Ngày: 17-11-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Tự Tín – Giám đốc Bảo hiểm xã hội huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Ông Thạch Thanh Long – Nguyên Hiệu trưởng Trường Tiểu học B, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hồng Nhung – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Ông Cao Minh Dương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 47/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

**1. Trần Văn Q**, sinh ngày: 15/5/1999; Nơi sinh: tỉnh Trà Vinh; Nơi đăng ký HKTT: ấp ADC, xã TB, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T, sinh năm: 1971 và bà Thạch Thị H, sinh năm: 1979; Bị cáo chưa có vợ con; Em ruột có 02 người, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 20-6-2020 đến ngày 28-6-2020 áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam cho đến nay; *Bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

**2. Võ Duy B**, sinh ngày: 12/7/2002; Nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp; Nơi đăng ký HKTT: khóm TĐA, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Duy Q, sinh năm: 1979 và bà Nguyễn Hồng N, sinh năm: 1984; Em ruột có 04 người, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày

28-6-2020 đến ngày 04-7-2020 áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam cho đến nay; *Bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

*Người bào chữa cho bị cáo Võ Duy B:* Luật sư Nguyễn Tấn L – Văn phòng Luật sư H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh (*Có mặt*).

- *Bị hại:*

1/ Bà Sơn Thị Sa Th, sinh năm: 1982 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*);

Nơi cư trú: ấp NLB, xã BP, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2/ Bà Trần Thị S, sinh năm: 1970 (*Có mặt*).

Nơi cư trú: ấp PH1, xã BP, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh năm: 1979 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*);

Nơi cư trú: ấp TAC, xã TA, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2/ Ông Trần Văn T, sinh năm: 1971 (*Có mặt*);

3/ Bà Thạch Thị H, sinh năm: 1979 (*Có mặt*);

Cùng nơi cư trú: ấp ADC, xã TB, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

4/ Bà Nguyễn Hồng N, sinh năm: 1984 (*Có mặt*).

Nơi cư trú: ấp 3, xã TM, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

**Vụ thứ nhất:** Vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 30-5-2020, Trần Văn Q điều khiển xe mô tô biển số 38K1-305.29 chở Võ Duy B đi trên Quốc lộ 53 về đến ngã ba BP đi vào xã HH, huyện C. Đến đoạn đường thuộc ấp NLB, xã BP thì B nhìn thấy bà Sơn Thị Sa Th đang điều khiển xe mô tô biển số 84L1-496.76 chạy theo hướng ngược lại, trên cổ bà Th có đeo một sợi dây chuyền vàng. Lúc này B hỏi Q “*Có làm không?*”, Q hiểu ý B rủ giật dây chuyền của bà Th, nên Q quay đầu xe lại chạy cùng chiều với bà Th, rồi điều khiển xe chạy áp sát xe bà Th để B ngồi sau dùng tay giật lấy sợi dây chuyền của bà Th. Giật được dây chuyền, Q liền điều khiển xe chở B chạy ra hướng Quốc lộ 53 rồi chở B về nhà tại ấp ADC, xã TB để uống rượu. Sau đó, B, Q đem sợi dây chuyền này bán cho tiệm vàng KL ở ấp TAC, xã TA (do bà Nguyễn Thị Thùy Tr làm chủ tiệm). Tiền bán trên 6.000.000 đồng, B và Q chia đôi. Phần tiền của Q, Q cho cha ruột là ông Trần Văn T 100.000 đồng, còn lại Q và B tiêu sài cá nhân hết. Đối với bà Sa Th, sau khi bị giật dây chuyền, mặt dây chuyền bị rách xuống đất, bà Th đã nhặt lại được và đến trình báo sự việc với Cơ quan điều tra.

**Vụ thứ hai:** Vào khoảng 06 giờ 00 phút ngày 01-6-2020, Trần Văn Q điều khiển xe mô tô biển số 38K1-305.29 chở Võ Duy B đi thành phố H. Khi đến Quốc lộ 60 đoạn đường thuộc ấp NLA, xã BP hướng BP đi cầu C thì B và Q nhìn thấy bà Trần Thị S đang chạy xe đạp theo hướng ngược lại trên cổ có đeo dây chuyền vàng.

Lúc nhìn thấy, Q nói với B “*Bà kia có đeo dây chuyền kìa*”, liền lúc đó Q quay đầu xe lại chạy cùng chiều với bà S, Q điều khiển xe chạy áp sát xe đạp của bà S, B ngồi sau dùng tay phải giật lấy sợi dây chuyền bà S đang đeo trên cổ. Sau đó, Q điều khiển xe ra Quốc lộ 53 chạy về hướng thành phố T rồi đi thành phố H. Trên đường đi, B và Q đã bán sợi dây chuyền vàng nói trên cho một tiệm vàng (không rõ tên hiệu và địa chỉ) với giá trên 11.000.000 đồng. Tiền này B và Q cũng chia nhau tiêu sài cá nhân hết.

Ngày 20-6-2020, Trần Văn Q đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà Q cùng với Võ Duy B đã thực hiện.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã yêu cầu định giá tài sản của bà Trần Thị S và của bà Sơn Thị Sa Th.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 66/KL-ĐGTS ngày 05-6-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: Tại thời điểm bị xâm hại, sợi dây chuyền vàng loại vàng 18Kara, trọng lượng 5,1088 chỉ, loại dây trái khế của bà Trần Thị S có giá trị 16.520.000 đồng và tại bản kết luận định giá tài sản số 67/KL-ĐGTS ngày 05-6-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: Tại thời điểm bị xâm hại, sợi dây chuyền vàng loại vàng 18Kara, trọng lượng 03 chỉ, loại dây xoắn khít của bà Sơn Thị Sa Th có giá trị 9.700.000 đồng.

Tại kết luận giám định số 4084/C09B ngày 18-8-2020 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố H kết luận: Một mặt dây chuyền kim loại màu vàng có đính nhiều hạt đá nhiều màu khác nhau, tổng khối lượng 4,8359 gam, gửi giám định có thành phần kim loại Vàng (Au) hàm lượng 58,94%; Bạc (Ag) hàm lượng 19,99%; Đồng (Cu) hàm lượng 19,07%; Kẽm (Zn) hàm lượng 2,00%.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 94/KL-ĐGTS ngày 09-9-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: Tại thời điểm bị xâm hại, mặt dây chuyền vàng loại vàng 18Kara, trên mặt dây chuyền có đính nhiều hạt đá nhiều màu khác nhau, tổng khối lượng 4,8359 gam, trong đó khối lượng phần vàng là 0,73 chỉ có giá trị 2.818.000 đồng.

Về vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã thu giữ: Một xe mô tô biển số 38K1-305.29, nhãn hiệu YAMAHA, số loại Sirius, số máy 1FC3121341, số khung RLCS1FC30FY121324; Một mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng có đính một viên đá màu đỏ; Một áo khoác nam màu trắng đen, tay áo có viền đỏ đen, phía trước bên trái áo có chữ Super; Một mũ bảo hiểm màu đen, trên mũ có chữ “NÓN SƠN”; Một đôi dép quai kẹp màu đỏ đen; Một túi đeo chéo bằng vải màu đen, trên túi có chữ “Adidas”.

Ngày 09-9-2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà Sơn Thị Sa Th mặt dây chuyền vàng nêu trên.

Quá trình điều tra, Q và B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Đối với bà Nguyễn Thị Thuỳ Tr (là chủ tiệm vàng KL) khi mua dây chuyền do Trần Văn Q, Võ Duy B bán không biết tài sản do phạm tội mà có, nên Cơ quan

Cảnh sát điều tra Công an huyện không xử lý; Đối với ông Trần Văn T khi được bị cáo Q cho 100.000 đồng thì ông không biết đây là tiền do bị cáo Q phạm tội mà có, nên hành vi nhận tiền của ông T không cấu thành tội phạm.

Tại Bản cáo trạng số 50/CT-VKS-HS ngày 12-10-2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố Trần Văn Q và Võ Duy B cùng về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn Q, Võ Duy B hoàn toàn thống nhất với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội là:

- Vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 30-5-2020, tại đoạn đường thuộc ấp NLB, xã BP, bị cáo Q điều khiển xe mô tô biển số 38K1-305.29 chở phía sau là bị cáo B, chạy áp sát xe mô tô biển số 84L1-496.76 do bà Sơn Thị Sa Th điều khiển, bị cáo B dùng tay giật của bà Sa Th cướp được sợi dây chuyền vàng 18Kara trọng lượng 03 chỉ, loại dây xoắn khít, có giá trị 9.700.000 đồng.

- Vào khoảng 06 giờ 00 phút ngày 01-6-2020, tại Quốc lộ 60 đoạn đường thuộc ấp NLA, xã BP hướng BP đi cầu C, bị cáo Q điều khiển xe mô tô biển số 38K1-305.29 chở phía sau là bị cáo B, chạy áp sát xe đạp do bà Trần Thị S điều khiển, bị cáo B dùng tay phải giật của bà S cướp được sợi dây chuyền vàng 18Kara trọng lượng 5,1088 chỉ, loại dây trái khế, có giá trị 16.520.000 đồng.

Đối với các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác định vẫn giữ nguyên các lời khai có trong hồ sơ vụ án. Bị hại bà S rút một phần yêu cầu số tiền 520.000 đồng, còn đòi hai bị cáo bồi thường thiệt hại tài sản bằng số tiền là 16.000.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho hai bị cáo.

Đối với bị hại bà Sa Th thể hiện ý kiến trong đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là giữ nguyên yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại tài sản số tiền là 9.700.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố các bị cáo Trần Văn Q, Võ Duy B phạm tội “Cướp giật tài sản”. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn Q từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù, thời hạn phạt tù được tính từ ngày 20-6-2020. Đối với bị cáo Võ Duy B, Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo B từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn phạt tù được tính từ ngày 28-6-2020. Ngoài ra, Vị còn đề nghị giải quyết trách nhiệm dân sự buộc hai bị cáo Q, B liên đới bồi thường số tiền 16.000.000 đồng cho bà Trần Thị S, bồi thường số tiền 9.700.000 đồng cho bà Sơn Thị Sa Th; Đề nghị xử lý vật chứng (Tịch thu sung quỹ Nhà nước xe mô tô biển số 38K1-305.29 do là phương

tiện dùng vào việc phạm tội; Giao trả lại cho bị cáo Q một áo khoát, một mũ bảo hiểm, một đôi dép, một túi đeo chéo có đặc điểm đã nêu) và đề nghị buộc các bị cáo Q, B phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Võ Duy B trình bày: Vị hoàn toàn thống nhất hành vi và tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố đối với bị cáo Võ Duy B; Thống nhất với quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát về giải quyết trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí. Nhưng Vị bổ sung đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo B với các tình tiết giảm nhẹ là: Bản thân bị cáo B sau khi phạm tội thật thà khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, nhận thức còn hạn chế; Bị cáo có tác động cho người thân bồi thường khắc phục một phần thiệt hại số tiền 2.000.000 đồng; Bản thân bị cáo là con em nông dân lao động, sinh ra trong một gia đình không trọn vẹn khi cha mẹ sớm ly hôn lúc bị cáo còn nhỏ; Tại phiên tòa, bị hại có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do bị cáo B có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên Vị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xem xét quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo quy định tại Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Qua quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã tranh luận đối đáp với nhau, sau cùng mỗi người giữ nguyên quan điểm, ý kiến đã trình bày.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là: Bị cáo Trần Văn Q và bị cáo Võ Duy B xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, Vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với bị hại bà Sơn Thị Sa Th, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thùy Tr, người làm chứng bà Trương Hồng Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, các bị cáo, các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến

hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Đồng thời thống nhất với các bản kết luận định giá tài sản số 66/KL-ĐGTS, 67/KL-ĐGTS cùng ngày 05-6-2020 và 94/KL-ĐGTS ngày 09-9-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, tỉnh Trà Vinh. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời nhận tội của các bị cáo Trần Văn Q, Võ Duy B tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của các bị cáo, các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Trần Văn Q, Võ Duy B đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

[4] Xét thấy Bản cáo trạng số 50/CT-VKS-HS ngày 12-10-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C quyết định truy tố các bị cáo Trần Văn Q, Võ Duy B về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự là phù hợp quy định pháp luật, không oan, không sai.

[5] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Bởi, tài sản của công dân bao gồm tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, tư trang, tiền bạc,... phải do quá trình lao động vất vả tạo lập mới có được. Các bị cáo là những thanh niên có sức khỏe. Đối với bị cáo Q đủ khả năng lao động để tạo ra thu nhập hợp pháp phục vụ nhu cầu sống bản thân và gia đình, nhưng không tích cực lao động, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ ra sức lao động; Đối với bị cáo B tại thời điểm phạm tội chưa đủ 18 tuổi nhưng do ham chơi, đua đòi, muốn có tiền tiêu sài nhanh chóng, mà hai bị cáo đã dùng thủ đoạn nguy hiểm, tìm cách tiếp cận với chủ sở hữu tài sản, nhanh chóng thực hiện hành vi cướp giật chiếm đoạt tài sản và tẩu thoát. Cụ thể, hai bị cáo đi chung xe mô tô biển số 38K1-305.29 vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 30-5-2020, tại đoạn đường thuộc ấp NLB, xã BP đã cướp giật dây chuyền của bà Sơn Thị Sa Th có tổng giá trị là 12.518.000 đồng (Trong này đã thu hồi và trả lại cho bà Sa Th mặt dây chuyền trị giá 2.818.000 đồng, còn sợi dây chuyền hai bị cáo cướp được trị giá 9.700.000 đồng) và vào khoảng 06 giờ 00 phút ngày 01-6-2020, tại Quốc lộ 60 thuộc ấp NLA, xã BP hướng BP đi cầu C, hai bị cáo đã cướp giật dây chuyền của bà Trần Thị S có giá trị là 16.520.000 đồng. Theo thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC BCA-BTP ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Tư pháp thì hành vi các bị cáo sử dụng xe mô tô để thực hiện cướp giật tài sản đây là tình tiết định khung của tội danh là “dùng thủ đoạn nguy hiểm”.

[6] Tội phạm do các bị cáo thực hiện là rất nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Và mọi hành vi xâm hại này phải bị pháp luật nghiêm trị.

Bản thân bị cáo Q hoàn toàn nhận thức được hành vi cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng xuất phát từ tham lam, tư lợi, mà vẫn cố ý phạm tội, hậu quả đã xảy ra, tội phạm đã hoàn thành; Đối với bị cáo B thời điểm phạm tội chưa đủ 18 tuổi nhưng bị cáo tán thành, tích cực cùng với bị cáo Q thực hiện hành vi phạm tội, là người trực tiếp giật tài sản của các bị hại.

[7] Đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng mang tính giản đơn. Cả hai bị cáo có sự thống nhất khi thực hiện hành vi phạm tội: Bị cáo Q là người điều khiển xe mô tô, bị cáo B là người trực tiếp giật tài sản của các bị hại; Sau khi chiếm đoạt được tài sản, cả hai cùng thống nhất nơi bán để lấy tiền và chia nhau tiêu sài cá nhân hết.

[8] Hành vi của hai bị cáo thể hiện thái độ rất xem thường pháp luật, phạm tội nhiều lần, thuộc thành phần khó cải tạo. Để góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải xử lý các bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi của các bị cáo và tính chất của vụ án, nhằm giáo dục các bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[9] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với hai bị cáo, Hội đồng xét xử cũng đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ là: Các bị cáo sau khi phạm tội đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải; Bản thân hai bị cáo là con em nông dân lao động; Tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đối với bị cáo Q đầu thú về hành vi phạm tội, bị cáo Q có bà nội là cụ Trần Thị H có công với cách mạng (được Thủ tướng Chính phủ tặng Kỷ niệm chương Chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù, đầy và được Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh tặng Bằng khen về đóng góp trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước). Đối với bị cáo B khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, nhận thức chưa đầy đủ; Cha mẹ bị cáo đã ly hôn lúc bị cáo còn nhỏ; Bị cáo có tác động người thân bồi thường khắc phục một phần thiệt hại.

[10] Về trách nhiệm dân sự bồi thường thiệt hại tài sản: Xét thấy để đảm bảo quyền lợi của người được thi hành án khi án có hiệu lực và phù hợp với quy định pháp luật, cần buộc bị cáo Trần Văn Q và bị cáo Võ Duy B phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại bà Sơn Thị Sa Th số tiền 9.700.000 đồng. Đối với bị hại bà Trần Thị S rút một phần yêu cầu số tiền 520.000 đồng là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật, nên được ghi nhận, cần buộc bị cáo Trần Văn Q và bị cáo Võ Duy B phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bà S số tiền còn lại là 16.000.000 đồng.

[11] Về vật chứng của vụ án:

Ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã xử lý trả lại cho bị hại bà Sơn Thị Sa Th một mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng có đính một viên đá màu đỏ vào ngày 09-9-2020.

Đối với: Một xe mô tô biển số 38K1-305.29, nhãn hiệu YAMAHA, số loại Sirius, số máy 1FC3121341, số khung RLCS1FC30FY121324. Qua tài liệu, chứng

cứ có trong hồ sơ vụ án và qua thẩm tra tại Tòa, xác định đây là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo Trần Văn Q và là phương tiện các bị cáo Trần Văn Q, Võ Duy B sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, do đó cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đối với: Một áo khoác nam màu trắng đen, tay áo có viền đỏ đen, phía trước bên trái áo có chữ Super; Một mũ bảo hiểm màu đen, trên mũ có chữ “NÓN SƠN”; Một đôi dép quai kẹp màu đỏ đen; Một túi đeo chéo bằng vải màu đen, trên túi có chữ “Adidas”. Đây là các tài sản cá nhân của bị cáo Trần Văn Q, không liên quan đến hành vi cướp giật tài sản; Tại phiên tòa bị cáo Q có yêu cầu nhận lại tài sản, nên giao trả lại các tài sản này cho bị cáo Q.

[12] Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Văn Q và bị cáo Võ Duy B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Từ những nhận định trên, quan điểm đề nghị của Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp luật định, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Đối với quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Võ Duy B có căn cứ để chấp nhận một phần phù hợp với quy định pháp luật.

[15] Đối với bà Nguyễn Thị Thuỳ Tr (chủ tiệm vàng KL) khi mua dây chuyền do Trần Văn Q, Võ Duy B bán mà không biết tài sản do phạm tội mà có; Đối với ông Trần Văn T nhận số tiền 100.000 đồng do bị cáo Q cho nhưng không biết đây là tiền do bị cáo phạm tội mà có, nên không xem xét, xử lý đối với bà Tr, ông T.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn Q và bị cáo Võ Duy B phạm tội “Cướp giật tài sản”.**

- Căn cứ vào các Điều 45, 260, 268, 269, 299 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). **Xử phạt bị cáo Trần Văn Q 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 20-6-2020.

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). **Xử phạt bị cáo Võ Duy B 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 28-6-2020.



**2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự:** Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Trần Văn Q và bị cáo Võ Duy B liên đới bồi thường cho bị hại bà Sơn Thị Sa Th số tiền là **9.700.000 đ (Chín triệu bảy trăm nghìn đồng)**.

Buộc bị cáo Trần Văn Q và bị cáo Võ Duy B liên đới bồi thường cho bị hại bà Trần Thị S số tiền là **16.000.000 đ (Mười sáu triệu đồng)**.

Tiếp tục quản lý số tiền 2.000.000 đ (Hai triệu đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0000920 ngày 06-11-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C để thi hành án cho các bị hại bà Sơn Thị Sa Th và bà Trần Thị S.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**3. Về vật chứng:** Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: 01 (Một) xe mô tô biển số 38K1-305.29, nhãn hiệu YAMAHA, số loại Sirius, số máy 1FC3121341, số khung RLCS1FC30FY121324.

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn Q: 01 (Một) áo khoác nam màu trắng đen, tay áo có viền đỏ đen, phía trước bên trái áo có chữ Super; 01 (Một) mũ bảo hiểm màu đen, trên mũ có chữ “NÓN SƠN”; 01 (Một) đôi dép quai kẹp màu đỏ đen; 01 (Một) túi đeo chéo bằng vải màu đen, trên túi có chữ “Adidas”.

*(Các vật chứng này hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C đang quản lý).*

**4. Về án phí:** Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Trần Văn Q nộp 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 642.500 đ (Sáu trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Võ Duy B nộp 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 642.500 đ (Sáu trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các bị cáo và người tham gia tố tụng biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng

đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Thảo**